

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2024.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

2) Ông Lâm Sơn.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Dương Thị Thùy D, sinh năm 1989

HKTT: Ấp H, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Lê Văn C, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Ấp H, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2024, nguyên đơn bà Dương Thị Thùy D trình bày: Vào năm 2007, bà và ông Lê Văn C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã B cấp ngày 03/09/2007. Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là cháu Lê Hoàng T, sinh ngày 05/02/2009, Lê Thị Thùy D1, sinh ngày 04/09/2012, Lê Thị Trúc L, sinh ngày 07/11/2016 và Lê Thiên K, sinh ngày 24/03/2020, hiện đang sống chung với cha. Do vợ chồng

không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không duy trì được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông C; về con chung, bà xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lê Thiên K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; còn các cháu Lê Hoàng T, Lê Thị Thùy D1, Lê Thị Trúc L giao cho ông C nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Văn C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà D về kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn không có gì nghiêm trọng để dẫn đến ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con. Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng 04 người con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà D được ly hôn với ông C; giao các con chung cho bị đơn ông C trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, vào năm 2007 bà Dương Thị Thùy D và ông Lê Văn C có kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/09/2007, cho nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà D có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, những năm gần đây bà D và ông C thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà D và ông C đã sống ly thân. Nay bà D xin ly hôn với ông C. Ông C không đồng ý ly hôn. Hôn nhân giữa ông C, bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông, bà đã không chung sống với nhau một thời gian nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nay bà D cương quyết yêu cầu ly hôn với ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D, cho bà D và ông C được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Bà **D** và ông **C** có 04 con chung là cháu **Lê Hoàng T**, sinh ngày 05/02/2009, **Lê Thị Thùy D1**, sinh ngày 04/09/2012, **Lê Thị Trúc L**, sinh ngày 07/11/2016 và **Lê Thiên K**, sinh ngày 24/03/2020, hiện nay các con sống bên nhà nội và ông **C** từ nhỏ đến nay. Ông **C** yêu cầu được nuôi tất cả các cháu đến tuổi trưởng thành và bà **D** cũng đồng ý giao các con cho ông **C**. Để cho các cháu ổn định tâm lý và môi trường sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các cháu cho ông **C** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **D** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông **C** không yêu cầu.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà **D**, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu bà **D** có đủ căn cứ cho rằng ông **C** không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **D** và ông **C** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà **D** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có là căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Dương Thị Thùy D**.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Dương Thị Thùy D** được ly hôn với ông **Lê Văn C**.

2/. Về con chung: Giao các con chung tên **Lê Hoàng T**, sinh ngày 05/02/2009, **Lê Thị Thùy D1**, sinh ngày 04/09/2012, **Lê Thị Trúc L**, sinh ngày 07/11/2016 và **Lê Thiên K**, sinh ngày 24/03/2020 cho ông **Lê Văn C** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **D** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà **D**, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Bà **Dương Thị Thùy D** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0005395 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà **Dương Thị Thùy D** đã nộp đủ tiền án phí. Ông **Lê Văn C** không phải chịu án phí sơ thẩm.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm